

PHỤ LỤC I
BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN

- **Tên văn bản xây dựng:** Nghị quyết về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương.

Tên chính sách 1 hoặc n: Một số đối tượng được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương.

| I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH | |
|---|--|
| 1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương? | <p>a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Ngày 15/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định:</p> <p>- Tại Khoản 1 Điều 24 quy định đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm:</p> <p><i>“a) Đối tượng quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 5 của Nghị định này thuộc diện khó khăn không tự lo được cuộc sống và không có người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng;</i></p> |

b) Người cao tuổi thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về người cao tuổi;

c) Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện được chăm sóc nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật”.

- Tại Khoản 1 Điều 5 quy định về trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng gồm các trường hợp:

“Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi; mồ côi cả cha và mẹ; cả cha và mẹ bị mất tích hoặc đều đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích hoặc đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cả cha và mẹ đều thuộc một trong các trường hợp trên”.

- Tại Khoản 3 Điều 5 quy định “*Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo*”.

Như vậy, đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm 03 nhóm đối tượng: trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, cụ thể:

Một là: Đối tượng người không quá 22 tuổi:

- Trẻ em dưới 16 không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo.

Như vậy, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP chưa bao phủ hết đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó chưa bao gồm đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng và trường hợp đối tượng có hoàn cảnh này nhưng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội mà đủ 16 tuổi trở lên đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 24 tuổi (do một số trường đại học học 06 năm thì nếu học đúng tuổi khi tốt nghiệp sẽ là 24 tuổi).

Hai là: Đối tượng người khuyết tật:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Người khuyết tật quy định đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội là người khuyết tật đặc biệt nặng, không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống.

Như vậy, những người khuyết tật đặc biệt nặng, còn người thân trong gia đình không được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội. (trừ đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương). Nghị định số 20/2021/NĐ-CP chưa bao phủ hết đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng không có bố, mẹ, vợ (chồng), con hoặc có nhưng vợ (chồng) đã ly hôn hoặc bố, mẹ, vợ (chồng), con đã chết, mất tích hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi hoặc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên; còn những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng khác trong gia đình.

Ba là: Đối tượng người cao tuổi:

- Tại Khoản 2 Điều 18 Luật Người cao tuổi năm 2009 quy định đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội là người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng.

Như vậy, người cao tuổi thuộc hộ diện hộ nghèo, còn người thân trong gia đình không thuộc đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có trường hợp người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên, có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, không có vợ (chồng), con hoặc vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có vợ (chồng), con nhưng đã chết, mất tích, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; còn những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng khác trong gia đình.

- Tại tỉnh Hải Dương, theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố, trong số đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng có 42 đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng; có 312 người khuyết tật đặc biệt nặng, không còn bố, mẹ, vợ, chồng, con hoặc còn nhưng những người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi hoặc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên và trong số đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng có 155 người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc các khoản trợ cấp hàng tháng khác; thuộc diện hộ nghèo; không có vợ (chồng), con hoặc có nhưng đã chết, mất tích, ly hôn hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; có thể còn những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng khác trong gia đình. Những người này có nhiều trường hợp có nhu cầu được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

Vậy, cần đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải

| | |
|--|--|
| | <p>Dương.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Trên địa bàn tỉnh Hải Dương có một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn cần được tiếp nhận vào các cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng và đối tượng này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương mà đủ 16 tuổi trở lên nhưng đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; Người khuyết tật đặc biệt nặng thuộc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên; người khuyết tật đặc biệt nặng không có cha, mẹ, vợ (chồng), con hoặc có vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có cha, mẹ, vợ (chồng), con nhưng đều thuộc một trong các trường hợp: chết, mất tích, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi (trừ đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương); Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc các khoản trợ cấp hàng tháng khác, không có vợ (chồng), con hoặc có vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có vợ (chồng), con nhưng đều thuộc một trong các trường hợp: chết, mất tích, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.</p> <p>Do vậy, đề nghị cho đối tượng này được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.</p> |
| <p>2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức được bảo đảm</p> | <p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</p> <p>Mở rộng đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được tiếp nhận vào nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội thể hiện sự quan tâm đối với đối tượng yếu thế, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đúng thẩm quyền, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững. Đồng thời tiếp tục duy trì thực hiện chính sách của tỉnh quan tâm đến một số đối tượng yếu thế trong xã hội đang được hưởng chế</p> |

| | |
|--|--|
| | <p>độ trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng và cơ sở trợ giúp xã hội.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/NĐ - CP quy định “Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, UBND tỉnh trình HDND cùng cấp quyết định: a)...b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.</p> |
| <p>3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p> | <p>a) Quy định thủ tục hành chính: <input type="checkbox"/></p> <p>Mở rộng đối tượng thực hiện thủ tục hành chính “Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện” được quy định tại Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Do vậy, không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.</p> <p>b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính: <input type="checkbox"/></p> <p>Phương án, giải pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính “Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện” được quy định tại Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Do vậy, không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.</p> |
| <p>4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?</p> | <p>a) Tên thủ tục hành chính 1:.....</p> <p>Lý do lựa chọn:.....</p> <p>b) Tên thủ tục hành chính n:</p> <p>Lý do lựa chọn:.....</p> |

| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |
|--|--|
| 1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH : | |
| 1.1. Tính hợp pháp của thủ tục hành chính | |
| 1.1.1. Có đề xuất theo đúng thẩm quyền không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: |
| 1.1.2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị xác định rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn đề xuất như tại đề nghị xây dựng văn bản:..... - Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị xác định rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn đề xuất như tại đề nghị xây dựng văn bản:..... - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị xác định rõ: + Tên bộ phận tạo thành: |

| | |
|--|---|
| | + Nêu điều ước quốc tế tương ứng:..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn đề xuất như tại đề nghị xây dựng văn bản: Không |
| 1.2. Tính hợp lý của thủ tục hành chính | |
| 1.1.1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được xác định rõ và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: |
| 1.1.2. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước <input type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: - Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc <input type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input checked="" type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định:..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: |

| | |
|---|--|
| 1.1.3. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được xác định rõ thẩm quyền về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định:..... |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do:..... |
| 1.3. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính | |
| Có xác định phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác (nếu có): Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: |